

Yên Thành, ngày tháng 02 năm 2023

## BÁO CÁO

### **Đánh giá việc thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh giai đoạn 2012-2021 và đề xuất Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

Thực hiện công văn số 280/SKHĐT-KGVX ngày 03/02/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An về việc đánh giá thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh 2012-2020 và đề xuất, nhiệm vụ giải pháp tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An, UBND huyện Yên Thành báo cáo cụ thể như sau:

#### **I. Kết quả thực hiện các mục tiêu Chiến lược Tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn 2012-2020**

##### **1. Kết quả thực hiện chiến lược TTX giai đoạn (2012-2020)**

Chiến lược tăng trưởng xanh đã đạt được nhiều thành tựu nổi bật thể hiện ở các nội dung xây dựng thể chế, nâng cao nhận thức, triển khai thực hiện, huy động nguồn lực nhà nước và tư nhân....

##### **2. Đánh giá cụ thể các nhiệm vụ/mục tiêu đã thực hiện**

###### **2.1. Những kết quả đạt được**

- Chấp hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật cho việc triển khai thực hiện tăng trưởng xanh.

Triển khai thực hiện các văn bản mới liên quan đến tăng trưởng xanh: ban hành mới, hoặc bổ sung, sửa đổi một số luật liên quan đến tăng trưởng xanh như: Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; Luật Phòng chống thiên tai; Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi; Luật Khí tượng thủy văn. Một số văn bản pháp quy mới đã được xây dựng nhằm thúc đẩy thực hiện các hoạt động liên quan tới tăng trưởng xanh.

- Triển khai thực hiện kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của trung ương, của tỉnh: Các hoạt động hoàn thiện thể chế và triển khai thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh được thực hiện thông qua việc xây dựng và ban hành kế hoạch hành động tăng trưởng xanh ở các bộ và địa phương.

- Thực hiện giảm cường độ phát thải khí nhà kính và tăng tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo. Cho đến nay, việc triển khai các giải pháp giảm phát thải khí nhà kính đã được triển khai rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực.

- Tăng cường hoạt động xanh hóa sản xuất. Nội dung của xanh hóa sản xuất là thực hiện một chiến lược “công nghiệp hóa sạch” thông qua việc rà soát, điều chỉnh những quy hoạch ngành hiện có, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên, khuyến khích phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp xanh với cơ cấu ngành nghề, công nghệ, trang thiết bị đảm bảo nguyên tắc thân thiện với môi trường, đầu tư phát triển vốn tự nhiên, tích cực ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm...

### **3. Những nhiệm vụ, mục tiêu chưa thực hiện được theo kế hoạch**

Bên cạnh những kết quả tích cực, việc triển khai Chiến lược tăng trưởng xanh tại Việt Nam vẫn phải đối diện với không ít khó khăn, thách thức cụ thể:

Thứ nhất, nhận thức của một số địa phương, một bộ phận lớn người dân về Chiến lược tăng trưởng xanh chưa rõ ràng.

Thứ hai, các dự án mà các địa phương đã, đang thực hiện liên quan đến Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh đều dựa trên sự hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật của các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi Chính phủ, chưa xuất phát từ năng lực nội sinh của bộ, ngành, địa phương.

Thứ ba, hiện nay, vẫn còn có sự xung đột, trùng lặp về mục tiêu giữa các chiến lược: Chiến lược phát triển bền vững; chiến lược quốc gia về ứng phó biến đổi khí hậu; chiến lược tăng trưởng xanh...

Thứ tư, nguồn lực thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh hiện nay chưa rõ ràng, đặc biệt trong bối cảnh suy giảm kinh tế và cắt giảm đầu tư công.

Thứ năm, dù việc áp dụng, lồng ghép Chiến lược tăng trưởng xanh vào các kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương đã đạt được một số thành tựu nhất định, song nhiều địa phương đang đối mặt với không ít thách thức, do thiếu các nhóm giải pháp cụ thể và chưa thật sự khả thi đối với hoàn cảnh cụ thể của địa phương.

## **II. Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện Chiến lược TTX của tỉnh giai đoạn 2012-2020**

### **1. Thuận lợi**

- Nhận được sự ủng hộ lớn từ cộng đồng quốc tế thông qua các tổ chức phát triển như Ngân hàng Thế giới (World Bank), Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB), Chương trình phát triển Liên hợp Quốc (UNDP), Cơ quan phát triển quốc tế Mỹ (USAID)...

- Có tiềm năng rất lớn về nguồn năng lượng tái tạo gồm: Sinh khối từ các sản phẩm hay chất thải nông nghiệp có sản lượng tương đương 10 triệu tấn dầu/năm. Tiềm năng khí sinh học xấp xỉ 10 tỉ m<sup>3</sup> năm từ rác, phân động vật và chất thải nông nghiệp.

- Tiềm năng kỹ thuật của thủy điện nhỏ (<30MW) hơn 4.000MW. Nguồn năng lượng mặt trời phong phú với bức xạ nắng trung bình là 5kWh/m<sup>2</sup>/ngày phân

bỏ trên khắp đất nước. Vị trí địa lý của Việt Nam với hơn 3.400km đường bờ biển cũng giúp Việt Nam có tiềm năng rất lớn về năng lượng gió với tiềm năng ước tính khoảng 500-1000 kWh/m<sup>2</sup> /năm.

## **2. Khó khăn**

Nền kinh tế hiện vẫn phụ thuộc chủ yếu vào khai thác thô, sử dụng nhiều tài nguyên thiên nhiên và năng lượng hóa thạch cho phát triển kinh tế và tiêu dùng. Muốn phát triển năng lượng tái tạo thì Chính phủ phải có những cơ chế chính sách hấp dẫn các nhà đầu tư, đảm bảo giá mua ổn định cho năng lượng tái tạo. Trình độ công nghệ trong nhiều lĩnh vực vẫn ở mức thấp đặt ra các thách thức trong việc đầu tư đổi mới công nghệ. Ngoài ra, nguồn quỹ cho tăng trưởng xanh còn rất thấp.

## **3. Nguyên nhân**

### **III. Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chiến lược Tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030**

#### **1. Bối cảnh, xu hướng khi thực hiện Chiến lược Tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 – 2030**

#### **2. Đề xuất nhiệm vụ, mục tiêu trong thời gian tới**

(1) Sử dụng tiết kiệm năng lượng: Mức giảm tiêu hao năng lượng điện để sản xuất ra một đơn vị GRDP đến năm 2020 giảm 0,6%/năm; đến năm 2030 giảm 1,9%/năm.

(2) Xanh hóa sản xuất:

- Tỷ lệ nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh và dịch vụ được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường đến năm 2020 đạt 80%, năm 2030 đạt 90 - 95%.

- Tỷ lệ chất thải rắn công nghiệp được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường đến năm 2020 và 2030 đạt 100%.

- Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường đến năm 2020 và 2030 đạt 100%.

- Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường đến năm 2020 đạt 50%, năm 2030 đạt 100%.

- Bên cạnh đó, nâng tỷ lệ sản xuất các sản phẩm nông nghiệp (dứa, rau chế biến, rau an toàn, chăn nuôi gà, chăn nuôi lợn) đạt các tiêu chuẩn.

(3) Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững:

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn vệ sinh môi trường theo tiêu chí nông thôn mới đến năm 2020 đạt 59%, năm 2030 đạt 90%.

- Tỷ lệ nước thải, chất thải y tế tại các bệnh viện được thu gom đến năm 2020 và 2030 đạt 100%.

- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt đạt quy chuẩn đến năm 2020 đạt 80%, năm 2030 đạt 90%.

- Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom đến năm 2020 đạt 98,5%, năm 2030 đạt 100%.

- Tỷ lệ chất thải rắn nông thôn được thu gom đến năm 2020 đạt 70%; năm 2030 đạt 90%.

- Tỷ lệ độ che phủ rừng đến năm 2020 và 2030 duy trì đạt 38%.

- Giảm khối lượng túi nilon sử dụng tại các siêu thị, trung tâm thương mại so với năm 2015 đến năm 2020 giảm 10%, năm 2030 giảm 65%.

- Tỷ lệ dân cư hiểu biết, có kiến thức cơ bản về ứng phó, thích nghi với biến đổi khí hậu đến năm 2020 đạt 20%, năm 2030 đạt 90%.

- Tỷ lệ đô thị có diện tích cây xanh đạt tiêu chuẩn đến năm 2020 đạt 30%, năm 2030 đạt 100%.

### **3. Đề xuất giải pháp**

#### **3.1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, khuyến khích hỗ trợ thực hiện**

Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của nhân dân, cộng đồng về vai trò, ý nghĩa của sử dụng năng lượng, tài nguyên thiên nhiên tiết kiệm và hiệu quả.

Xây dựng các chương trình truyền hình, truyền thanh về nội dung sử dụng năng lượng, tài nguyên thiên nhiên tiết kiệm và hiệu quả gắn với bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu phát sóng trên đài phát thanh và truyền hình địa phương.

Tổ chức các lớp tập huấn và phổ biến thông tin về quy định, quy chuẩn sử dụng năng lượng, tài nguyên thiên nhiên tiết kiệm và hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh.

Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về sử dụng năng lượng, các cuộc thi sáng tác, sáng kiến trong ứng dụng, cải tiến công nghệ thiết bị tiêu thụ năng lượng, sử dụng tài nguyên thiên nhiên tiết kiệm và hiệu quả.

Xây dựng và nhân rộng các cá nhân, tập thể, cộng đồng dân cư điển hình tốt về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên của địa phương, trước hết là tài nguyên đất, rừng, tài nguyên vùng biển, đầm phá.

Có cơ chế thích hợp, tạo điều kiện để các tổ chức xã hội, nhân dân tham gia hoặc hỗ trợ việc giám sát bảo vệ khai thác sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

Đưa nội dung giáo dục về ý thức sử dụng năng lượng tiết kiệm, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên vào các chương trình giảng dạy của ngành giáo dục ở các cấp từ tiểu học đến phổ thông trung học.

#### **3.2. Xây dựng hệ thống cơ sở pháp lý về sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng và tài nguyên thiên nhiên để thực hiện tăng trưởng xanh.**

Xây dựng cơ chế liên kết giữa các trường đại học, viện nghiên cứu với cơ sở sản xuất công nghiệp, nông nghiệp trong việc nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ sản xuất sạch hơn. Xây dựng hệ thống chứng nhận và dán nhãn sinh thái cho các sản phẩm xanh của địa phương.

Rà soát, công bố danh sách các cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng năng lượng trọng điểm hàng năm và tổ chức quản lý, theo dõi thực hiện Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ở các cơ sở.

Xây dựng chế tài ngăn ngừa và xử lý ô nhiễm môi trường, nhất là tình trạng ô nhiễm công nghiệp.

Xây dựng Chỉ thị về khuyến khích sản xuất, sử dụng vật liệu xây không nung trên địa bàn tỉnh.

### **3.3. Thay đổi mô hình sản xuất dùng theo hướng thân thiện với môi trường. Phát triển công nghiệp xanh, nông nghiệp xanh, dịch vụ xanh.**

Khuyến khích, hỗ trợ sử dụng công nghệ, thiết bị, nguyên, nhiên liệu và năng lượng mới trong sản xuất, kinh doanh; hướng dẫn phát triển công nghệ tái chế và tái sử dụng chất thải, phế liệu. Xây dựng các mô hình quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, giảm mức tiêu hao năng lượng.

Hướng dẫn ứng dụng công nghệ xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, phế thải trong sản xuất nông nghiệp; thực hiện các chương trình trồng rừng, tái trồng rừng, giảm phát thải khí nhà kính trong sản xuất.

Xây dựng đề án phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng. Đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ khai thác sử dụng nguồn cát ở các dải cát ven biển thay thế cát khai thác trên các dòng sông. Xây dựng chương trình nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, sử dụng hợp lý tài nguyên nước trong sản xuất nông nghiệp.

### **4. Đẩy nhanh quá trình đô thị hoá bền vững**

Các ngành, địa phương tập trung triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, quy hoạch các đô thị gắn với các mục tiêu của ngành, địa phương đã được tích hợp trong Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021 – 2030.

Trên đây là báo cáo đánh giá thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh 2012-2020 và đề xuất, nhiệm vụ giải pháp tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 -2030 trên địa bàn tỉnh Nghệ An, UBND huyện Yên Thành trân trọng báo cáo./.

#### **Nơi nhận:**

- Sở KH&ĐT Nghệ An;
- Chủ tịch, các PCT;
- Lưu: VT, TC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Văn Tuyên**